

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM**

---o0o---

Bản án số: **58/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/7/2020

V/v: "*Ly hôn, tranh chấp*

nuôi con khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Trần Thị Bích Ân**;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà **Phan Thị Thu**;

+ Bà **Nguyễn Thị Hoàng Oanh**;

Thư ký phiên toà: Ông **Trần Anh Liêm**; Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà **Bùi Thị Hương Giang**, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Ng**; Sinh năm 1989; Có mặt;

- Bị đơn: Anh **Phạm T**; Sinh năm 1985; (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Các đương sự cùng trú tại: Thôn Lộc An, xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/02/2020 được bổ sung tại bản khai cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị **Võ Thị Ng** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Phạm T** đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **T** không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị đã bỏ đi làm ở Đà Nẵng nên vợ chồng sống ly thân đến nay đã được 4 năm nhưng anh **T** không có nguyện vọng hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đến nay chị xét thấy tình cảm của chị đối với anh **T** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Phạm T**.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung tên là Phạm Huyền Khánh L; Sinh ngày 08/02/2010 và Phạm Huyền Tuyết Nh; Sinh ngày 20/9/2011. Hiện nay các cháu đang sinh sống với anh T, do điều kiện chị phải đi làm xa, không thể trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng các cháu. Do đó, chị đồng ý giao các cháu cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành.

- Về tài sản chung: Khi ly hôn chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung. Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm T có mặt tại nơi cư trú nhưng từ chối ghi bản khai, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Theo nội dung biên bản về việc không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức lập ngày 18/02/2020 xác định: Anh Phạm T có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Q; Anh T khẳng định quan hệ hôn nhân, vấn đề con chung, tài sản chung như chị Ng trình bày là đúng. Đối với yêu cầu ly hôn của chị Ng thì anh đồng ý; về con chung anh T nhận nuôi cả hai con đến tuổi trưởng thành và không thể hiện nguyện vọng yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức:

+ Về chấp hành pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Đối với anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt anh Tâm.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng, xử cho chị Ng được ly hôn với anh T; Về con chung: Giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nhưng chị Ng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị Ng; về tài sản chung các bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Võ Thị Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Phạm T; anh T có nơi cư trú tại thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Q. Căn cứ vào Điều 28 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Anh Phạm T có mặt tại địa phương nhưng không chấp hành Giấy triệu tập, Thông báo, Quyết định của Tòa án, không ghi bản khai và ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án không thể ghi lời khai và tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa ngày 19/6/2020, anh T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Đến nay, anh T vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm T và chị Võ Thị Ng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01 ngày 10/5/2020. Hôn nhân của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối được nên được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Do đó, chị Ng đã bỏ ra Đà Nẵng làm ăn, hai người sống ly thân với nhau đến nay đã 4 năm. Hiện nay, chị Ng không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T cũng không có thiện chí mong muốn được đoàn tụ và cũng thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị Ng. Từ những lý do trên cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Ng và anh T không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Ng yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng.

- Về con chung: Chị Ng, anh T có hai con chung tên là Phạm Huyền Khánh L; Sinh ngày 08/02/2010 và Phạm Huyền Tuyết Nh; Sinh ngày 20/9/2011. Từ khi chị Ng bỏ đi làm ăn, anh T đã cùng với mẹ anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Hiện nay, các cháu đang có cuộc sống ổn định cùng anh T. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng các cháu và chị Ng cũng thống nhất giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, việc giao cả hai con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Chị Ng có thu nhập ổn định, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng đến tuổi trưởng thành. Do đó HĐXX ghi nhận nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị Ng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ng được Tòa án chấp nhận nên chị Ng phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ng đối với anh Phạm T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Võ Thị Ng được ly hôn với anh Phạm T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Huyền Khánh L; Sinh ngày 08/02/2010 và Phạm Huyền Tuyết Nh; Sinh ngày 20/9/2011 cho anh Phạm T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Võ Thị Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Về án phí: Chị Võ Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), án phí về cấp dưỡng là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Ng đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005149 ngày 10/02/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam. Chị Ng tiếp tục nộp số tiền còn thiếu là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền đến hạn còn phải thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Võ Thị Ng có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Phạm T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ./

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND H Hiệp Đức;
- THADS H. Hiệp Đức;
- UBND xã B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Bích Ân